

Số: 3468/QĐ-HV

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học chính quy – Đợt 1 Tháng 09. 2026

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Quyết định số 171/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ Trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12/4/2021 của Hội đồng Học viện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết 191/NQ-HĐHV ngày 24/04/2025 của Hội đồng Học viện về việc Điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 56/2026/TT-BGDĐT ngày 07/07/2026 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

Căn cứ Quyết định số 838/QĐ-HV ngày 11/10/2021 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc ban hành Quy định đào tạo đại học theo tín chỉ;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét tốt nghiệp đại học, cao đẳng của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông ngày 24/09/2026;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Nay công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học chính quy – Đợt 1 Tháng 09.2026 cho **624 sinh viên** Đại học chính quy của Cơ sở đào tạo tại Cơ sở đào tạo Hà Nội, cụ thể:

- | | |
|--|--------------------------------------|
| • Ngành An toàn thông tin | : 44 sinh viên (danh sách kèm theo) |
| • Ngành Công nghệ đa phương tiện | : 40 sinh viên (danh sách kèm theo) |
| • Ngành Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử | : 64 sinh viên (danh sách kèm theo) |
| • Ngành Công nghệ thông tin | : 161 sinh viên (danh sách kèm theo) |
| • Ngành Công nghệ thông tin – CLC | : 25 sinh viên (danh sách kèm theo) |
| • Ngành Kỹ thuật Điện tử Viễn thông | : 109 sinh viên (danh sách kèm theo) |
| • Ngành Báo chí | : 07 sinh viên (danh sách kèm theo) |
| • Ngành Công nghệ tài chính | : 20 sinh viên (danh sách kèm theo) |
| • Ngành Kế toán | : 24 sinh viên (danh sách kèm theo) |
| • Ngành Marketing | : 63 sinh viên (danh sách kèm theo) |
| • Ngành Quản trị kinh doanh | : 40 sinh viên (danh sách kèm theo) |
| • Ngành Thương mại điện tử | : 14 sinh viên (danh sách kèm theo) |
| • Ngành Truyền thông đa phương tiện | : 13 sinh viên (danh sách kèm theo) |

Điều 2: Thời gian công nhận tốt nghiệp được tính kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3: Chánh văn phòng, Trưởng các phòng: Đào tạo, Giáo vụ, Tài chính kế toán, Kế hoạch đầu tư; Trường Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục; Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Giám đốc HV (để b/c);
- Lưu VT, ĐT (02 bản).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN
CÔNG NGHỆ
BƯU CHÍNH
VIỄN THÔNG
PGS.TS. Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
(Kèm theo Quyết định số: 368 /QĐ-HV ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**

Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**

Ngành đào tạo: **Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCT	Xếp loại	Ghi chú
1	Phạm Đức	Hải	Nam	09/09/2000	Hà Nội	2.38	Trung bình	D18XLTH2
2	Trần Long	Thành	Nam	05/11/2000	Hải Phòng	2.20	Trung bình	D18XLTH2
3	Trương Nguyễn Trường	Giang	Nam	24/04/2001	Long An	2.12	Trung bình	D19DTMT1
4	Vũ Văn	Hạnh	Nam	01/09/2001	Hà Nam	2.42	Trung bình	D19DTMT1
5	Lê Ngọc	Hòa	Nam	18/02/2001	Thanh Hoá	2.16	Trung bình	D19DTMT1
6	Đặng Quang	Kiên	Nam	22/11/2001	Hưng Yên	2.28	Trung bình	D19DTMT1
7	Nguyễn Đức	Quân	Nam	25/10/2001	Thanh Hoá	2.34	Trung bình	D19DTMT2
8	Nguyễn Tuấn	Đạt	Nam	01/08/2001	Thái Bình	2.38	Trung bình	D19DTMT3
9	Hoàng Minh	Quang	Nam	01/11/2001	Ninh Bình	2.58	Khá	D19DTMT3
10	Phạm Hữu	Vương	Nam	05/12/2001	Thái Bình	3.24	Giỏi	D19DTMT3
11	Phạm Xuân Gia	Bảo	Nam	15/08/2001	Hà Tây	2.29	Trung bình	D19XLTH
12	Đỗ Tiến	Đạt	Nam	17/09/2001	Nam Định	2.29	Trung bình	D19XLTH
13	Lã Minh	Hoàng	Nam	17/12/2001	Hà Nội	2.72	Khá	D19XLTH
14	Phan Trung	Kiên	Nam	30/09/2001	Thanh Hoá	2.19	Trung bình	D19XLTH
15	Nguyễn Đức	Anh	Nam	31/05/2002	Phú Thọ	2.48	Trung bình	D20DTMT1
16	Cao Đức	Hai	Nam	20/09/2002	Nam Định	2.27	Trung bình	D20DTMT1
17	Phạm Huy	Cương	Nam	27/07/2002	Hải Phòng	2.20	Trung bình	D20DTMT2
18	Trần Mạnh	Điệp	Nam	12/10/2002	Hà Nam	2.32	Trung bình	D20DTMT2
19	Nguyễn Minh	Đức	Nam	21/11/2002	Thái Bình	2.20	Trung bình	D20DTMT2
20	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	30/03/2002	Hải Dương	2.56	Khá	D20DTMT2
21	Trần Đức	Mạnh	Nam	17/02/2002	Nam Định	2.56	Khá	D20DTMT2
22	Nguyễn Hải	Nam	Nam	07/04/2002	Hà Tây	2.51	Khá	D20DTMT2
23	Lê Thế	Vũ	Nam	04/07/2002	Thanh Hoá	2.57	Khá	D20DTMT2
24	Nguyễn Văn	Danh	Nam	10/01/2002	Hà Tây	3.22	Giỏi	D20DTRB
25	Phạm Trung	Kiên	Nam	22/10/2002	Hà Tây	2.47	Trung bình	D20DTRB
26	Nguyễn Trọng	Đức	Nam	02/02/2002	Hải Phòng	2.53	Khá	D20XLTH
27	Nguyễn Vũ	Lập	Nam	09/08/2002	Nam Định	2.30	Trung bình	D20XLTH
28	Hương Thành	Nam	Nam	05/09/2002	Bắc Giang	2.55	Khá	D20XLTH
29	Vũ Thành	Trung	Nam	24/12/2002	Hải Dương	2.04	Trung bình	D20XLTH

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	----------	-----	----------	---------

Danh sách gồm 29 sinh viên.

- Trong đó:
- Xuất sắc: 0 sinh viên
 - Giỏi: 2 sinh viên
 - Khá: 8 sinh viên
 - Trung bình: 19 sinh viên

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC ✓
HỌC VIỆN
CÔNG NGHỆ
BƯU CHÍNH
VIỄN THÔNG
PGS. TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
(Kèm theo Quyết định số: 5168 /QĐ-HV ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**

Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**

Ngành đào tạo: **Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCT	Xếp loại	Ghi chú
1	Nguyễn Trọng	Đạt	Nam	14/10/2002	Hung Yên	2.62	Khá	D21DTMT1
2	Lê Minh	Đức	Nam	16/11/2003	Hà Nội	2.62	Khá	D21DTMT1
3	Vũ Ngọc	Đức	Nam	23/03/2003	Thái Bình	2.63	Khá	D21DTMT1
4	Lương Đức	Hòa	Nam	02/12/2003	Thanh Hóa	2.19	Trung bình	D21DTMT1
5	Đỗ Quang	Huy	Nam	24/10/2003	Nam Định	2.41	Trung bình	D21DTMT1
6	Trần Đức	Hưng	Nam	23/10/2000	Thái Nguyên	2.56	Khá	D21DTMT1
7	Nguyễn Ngọc	Lâm	Nam	12/03/2003	Hà Nội	2.50	Khá	D21DTMT1
8	Nguyễn Tùng	Lâm	Nam	04/11/2003	Thanh Hóa	2.18	Trung bình	D21DTMT1
9	Đàm Phú	Quốc	Nam	22/12/2003	Hung Yên	2.82	Khá	D21DTMT1
10	Bùi Thiện	Anh	Nam	26/12/2003	Hà Nam	2.54	Khá	D21DTMT2
11	Nguyễn Văn	Chiến	Nam	13/11/2003	Hà Nội	2.26	Trung bình	D21DTMT2
12	Hoàng Việt	Dũng	Nam	15/01/2003	Sơn La	2.19	Trung bình	D21DTMT2
13	Lê Tuấn	Hiệp	Nam	16/11/2003	Hà Nội	3.06	Khá	D21DTMT2
14	Trần Quốc	Huy	Nam	02/03/2003	Thái Bình	2.39	Trung bình	D21DTMT2
15	Nguyễn Thế	Quyết	Nam	14/07/2003	Thanh Hóa	2.55	Khá	D21DTMT2
16	Mai Thanh	Son	Nam	09/09/2003	Ninh Bình	2.57	Khá	D21DTMT2
17	Lại Duy	Cường	Nam	19/03/2003	Hà Nội	2.62	Khá	D21DTVM1
18	Nguyễn Đình Tuấn	Đạt	Nam	19/10/2003	Bắc Ninh	2.63	Khá	D21DTVM1
19	Phạm Trường	Giang	Nam	24/10/2003	Hà Nội	2.64	Khá	D21DTVM1
20	Trần Thành	Hưng	Nam	16/10/2003	Hà Nội	2.72	Khá	D21DTVM1
21	Đặng Quang	Khởi	Nam	15/12/2003	Thái Bình	2.53	Khá	D21DTVM1
22	Nguyễn Văn	Nhân	Nam	03/12/2003	Hải Phòng	2.51	Khá	D21DTVM1
23	Đinh Trung	Sang	Nam	13/06/2003	Nam Định	2.52	Khá	D21DTVM1
24	Nguyễn Hữu	Son	Nam	29/08/2003	Hà Nội	2.49	Trung bình	D21DTVM1
25	Trần Thái	Son	Nam	30/11/2003	Hà Nội	2.57	Khá	D21DTVM1
26	Vũ Văn	Tâm	Nam	03/11/2003	Bắc Giang	2.25	Trung bình	D21DTVM1
27	Đinh Quốc	Anh	Nam	03/06/2003	Nam Định	2.49	Trung bình	D21DTVM2
28	Nguyễn Công	Huy	Nam	10/03/2003	Vĩnh Phúc	2.95	Khá	D21DTVM2
29	Nguyễn Đức	Nam	Nam	19/11/2003	Hà Tây	2.58	Khá	D21DTVM2
30	Nguyễn Sỹ	Toàn	Nam	23/04/2002	Hà Nam	3.03	Khá	D21DTVM2
31	Phan Thành	Trung	Nam	09/06/2003	Thái Bình	2.50	Khá	D21DTVM2

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
32	Đỗ Việt	Tùng	Nam	20/03/2003	Hà Nội	2.69	Khá	D21DTVM2

Danh sách gồm 32 sinh viên.

Trong đó:

- *Xuất sắc: 0 sinh viên*
- *Giỏi: 0 sinh viên*
- *Khá: 23 sinh viên*
- *Trung bình: 9 sinh viên*

KT GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

TRẦN QUANG ANH

PGS.TS

Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
(Kèm theo Quyết định số: 3468/QĐ-HV ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**
 Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**
 Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**
 Ngành đào tạo: **Công nghệ thông tin**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Lê Đức	Anh	Nam	13/02/1999	Thanh Hoá	2.05	Trung bình	D17CNPM1
2	Nguyễn Ngọc	Anh	Nam	04/10/1996	Nghệ An	2.08	Trung bình	D17CNPM2
3	Nguyễn Huy	Hùng	Nam	20/10/1999	Hà Nội	2.57	Khá	D17CNPM5
4	Lê Tuấn	Anh	Nam	20/10/1999	Hà Nội	2.24	Trung bình	D17CNPM6
5	Tạ Duy	Khang	Nam	28/01/1999	Hà Nội	2.34	Trung bình	D17HTTT2
6	Lê Văn	Phổ	Nam	26/03/1999	Hưng Yên	2.31	Trung bình	D17HTTT3
7	Phùng Ngọc Quang	Huy	Nam	29/10/1999	Hà Tây	3.22	Giỏi	D17HTTT5
8	Nguyễn Đức	Toàn	Nam	15/04/2000	Thái Bình	2.16	Trung bình	D18CNPM1
9	Nguyễn Tấn	Hùng	Nam	17/01/2000	Hà Nội	2.11	Trung bình	D18CNPM2
10	Cao Tuấn	Nghĩa	Nam	22/08/2000	Hà Nội	2.02	Trung bình	D18CNPM4
11	Phạm Đức	Anh	Nam	04/10/2000	Cà Mau	2.12	Trung bình	D18CNPM6
12	Đào Văn	Thái	Nam	02/11/2000	Bắc Ninh	2.24	Trung bình	D18CNPM6
13	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	21/04/2000	Hà Tây	3.05	Khá	D18HTTT3
14	Phạm Văn	Lực	Nam	28/01/2000	Hà Nam	2.07	Trung bình	D18HTTT4
15	Lê Hồng	Son	Nam	06/11/1999	Nam Định	2.14	Trung bình	D18HTTT4
16	Lê Huy	Hoàng	Nam	07/12/2000	Hà Tây	2.11	Trung bình	D18HTTT6
17	Ngô Việt	Thành	Nam	22/01/2001	Tuyên Quang	2.00	Trung bình	D19CNPM1
18	Ngô Tiến	Thiệu	Nam	13/02/2001	Bắc Ninh	2.29	Trung bình	D19CNPM1
19	Ngô Phúc	Tuấn	Nam	03/09/2001	Hà Nội	2.01	Trung bình	D19CNPM2
20	Nguyễn Hoàng	Việt	Nam	11/05/2001	Phú Thọ	2.42	Trung bình	D19CNPM2
21	Đặng Đình	Thành	Nam	10/04/2001	Hà Tĩnh	2.03	Trung bình	D19CNPM3
22	Nguyễn Văn	Tứ	Nam	03/02/2001	Nam Định	2.30	Trung bình	D19CNPM3
23	Nguyễn Hoàng Tuấn	Anh	Nam	01/06/2001	Hoà Bình	2.77	Khá	D19CNPM4
24	Trương Mạnh	Huy	Nam	10/06/2001	Nghệ An	2.07	Trung bình	D19CNPM5
25	Trần Quang	Hưng	Nam	23/09/2001	Hà Tây	3.18	Khá	D19CNPM5
26	Nguyễn Đức	Hương	Nam	22/05/2001	Thái Bình	2.60	Khá	D19CNPM5
27	Lưu Tiến	Nam	Nam	23/12/2001	Vĩnh Phúc	2.41	Trung bình	D19CNPM7
28	Đỗ Như	Phong	Nam	02/11/2001	Hà Tây	2.62	Khá	D19CNPM8
29	Đào Thanh	Son	Nam	13/04/2001	Hưng Yên	2.63	Khá	D19CNPM8
30	Bùi Nguyễn Huy	Bách	Nam	25/09/2001	Hà Tây	2.20	Trung bình	D19HTTT3
31	Nguyễn Quốc	Anh	Nam	20/06/2002	Hà Tây	2.38	Trung bình	D20CNPM1

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
32	Doãn Mạnh	Đạt	Nam	11/01/2002	Hà Tĩnh	2.68	Khá	D20CNPM1
33	Nguyễn Đăng	Tùng	Nam	14/02/2002	Bắc Giang	2.36	Trung bình	D20CNPM1
34	Trịnh Phúc	Chiến	Nam	20/08/2002	Hưng Yên	2.57	Khá	D20CNPM2
35	Hoàng Minh	Đức	Nam	17/09/2002	Lào Cai	2.79	Khá	D20CNPM2
36	Bùi Đức	Huy	Nam	10/03/2002	Hải Phòng	2.63	Khá	D20CNPM2
37	Trần Minh	Nghĩa	Nam	19/06/2002	Hà Nội	2.79	Khá	D20CNPM2
38	Hoàng Duy	Phương	Nam	30/10/2002	Thái Bình	2.81	Khá	D20CNPM2
39	Đỗ Đức	Thụ	Nam	08/10/2002	Thái Bình	2.64	Khá	D20CNPM2
40	Nguyễn Việt	Anh	Nam	23/07/2002	Nam Định	2.63	Khá	D20CNPM3
41	Vũ Huy	Trường	Nam	15/06/2002	Hải Dương	2.72	Khá	D20CNPM3
42	Phạm Ngọc	Cường	Nam	03/02/2002	Hải Dương	2.50	Khá	D20CNPM4
43	Lê Quang	Hiển	Nam	16/02/2002	Bắc Ninh	2.54	Khá	D20CNPM4
44	Vũ Văn	Ngọc	Nam	04/09/2002	Bắc Ninh	3.03	Khá	D20CNPM4
45	Đỗ Hồng	Quân	Nam	15/05/2002	Nam Định	2.73	Khá	D20CNPM4
46	Nguyễn Văn	Huỳnh	Nam	12/10/2002	Hà Nội	2.54	Khá	D20CNPM6
47	Đỗ Quốc	Phong	Nam	01/01/2002	Hưng Yên	2.60	Khá	D20CNPM6
48	Lê Thọ	Quyền	Nam	20/02/2002	Thanh Hoá	2.54	Khá	D20CNPM6
49	Trịnh Quyền	Diệp	Nam	21/02/2002	Hải Dương	2.93	Khá	D20HTTT1
50	Nguyễn Văn	Thặng	Nam	24/06/2002	Thái Bình	2.84	Khá	D20HTTT1
51	Đinh Trung	Hiếu	Nam	08/11/2002	Hà Tĩnh	2.68	Khá	D20HTTT2
52	Nguyễn Văn	Ngọc	Nam	14/01/2002	Hưng Yên	2.43	Trung bình	D20HTTT2
53	Trần Quang	Ngọc	Nam	14/09/2002	Phú Thọ	2.52	Khá	D20HTTT2
54	Nguyễn Viết Thế	Anh	Nam	22/11/2002	Nghệ An	2.01	Trung bình	D20HTTT3
55	Nguyễn Văn	Đô	Nam	09/01/2001	Bắc Ninh	2.57	Khá	D20HTTT3
56	Nguyễn Văn	Huy	Nam	16/01/2002	Hà Nội	2.49	Trung bình	D20HTTT3
57	Đỗ Việt	Long	Nam	09/09/2002	Hà Tây	2.25	Trung bình	D20HTTT3
58	Lê Tuấn	Thành	Nam	24/04/2002	Nam Định	2.51	Khá	D20HTTT3
59	Trịnh Hưng	Thuận	Nam	25/05/2002	Thanh Hoá	2.64	Khá	D20HTTT3
60	Nguyễn Ngọc	Anh	Nam	25/10/2002	Vĩnh Phúc	2.52	Khá	D20HTTT4
61	Bùi Mạnh	Đắc	Nam	14/03/2002	Nghệ An	2.12	Trung bình	D20HTTT4
62	Trần Bá	Hiệp	Nam	21/10/2002	Hà Nam	2.60	Khá	D20HTTT4
63	Phạm Văn	Quảng	Nam	11/10/2002	Nam Định	2.18	Trung bình	D20HTTT4
64	Nguyễn Minh	Quân	Nam	22/03/2002	Hải Dương	2.51	Khá	D20HTTT4
65	Đỗ Nguyên	Vũ	Nam	31/01/2002	Hà Tây	2.14	Trung bình	D20HTTT4
66	Nguyễn Trọng	Bắc	Nam	08/11/2002	Thanh Hoá	2.61	Khá	D20HTTT5
67	Đỗ Mạnh	Duy	Nam	05/05/2002	Thái Bình	2.46	Trung bình	D20HTTT5
68	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	19/12/2002	Hà Nội	2.53	Khá	D20HTTT5
69	Nguyễn Anh	Tú	Nam	01/12/2002	Thanh Hoá	2.59	Khá	D20HTTT5

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
70	Phạm Thanh	Tùng	Nam	25/08/2002	Thái Nguyên	2.50	Khá	D20HTTT5
71	Nguyễn Đức	Duy	Nam	06/08/2002	Nam Định	2.11	Trung bình	D20HTTT6
72	Vũ Duy	Hiệu	Nam	24/02/2002	Nam Định	2.51	Khá	D20HTTT6

Danh sách gồm 72 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 1 sinh viên
- Khá: 38 sinh viên
- Trung bình: 33 sinh viên

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PGS.TS Trần Quang Anh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
(Kèm theo Quyết định số: 368 /QĐ-HV ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**
 Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**
 Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**
 Ngành đào tạo: **Công nghệ thông tin**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Nguyễn Văn	Dũng	Nam	30/03/2003	Yên Bái	3.09	Khá	D21CNPM1
2	Phạm Hải	Đăng	Nam	26/05/2003	Thái Bình	2.60	Khá	D21CNPM1
3	Nguyễn Hà	Hiếu	Nam	27/07/2003	Bắc Ninh	2.67	Khá	D21CNPM1
4	Hồ Văn	Nhuận	Nam	15/02/2002	Nghệ An	2.76	Khá	D21CNPM1
5	Nguyễn Trường	Son	Nam	25/04/2003	Hà Nội	3.33	Giỏi	D21CNPM1
6	Trần Duy	Anh	Nam	03/11/2003	Hà Nội	3.14	Khá	D21CNPM2
7	Đỗ Đức	Thiện	Nam	09/01/2003	Thái Bình	3.14	Khá	D21CNPM2
8	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	28/07/2003	Bắc Ninh	3.20	Giỏi	D21CNPM2
9	Nguyễn Quang	Anh	Nam	28/04/2003	Hà Nội	2.72	Khá	D21CNPM3
10	Trần Việt	Anh	Nam	30/12/2003	Hải Dương	2.97	Khá	D21CNPM3
11	Nguyễn Ngọc Tuấn	Bình	Nam	27/11/2003	Hải Dương	3.06	Khá	D21CNPM3
12	Cao Hồng	Đức	Nam	09/10/2003	Thanh Hóa	3.38	Giỏi	D21CNPM3
13	Nguyễn Trường	Giang	Nam	02/10/2003	Thanh Hóa	2.52	Khá	D21CNPM3
14	Lê Minh	Hải	Nam	11/02/2003	Hải Dương	2.50	Khá	D21CNPM3
15	Nguyễn Văn	Hạnh	Nam	02/06/2003	Vĩnh Phúc	3.26	Giỏi	D21CNPM3
16	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	11/06/2003	Thái Bình	2.66	Khá	D21CNPM3
17	Đặng Ngọc	Khánh	Nam	27/05/2003	Hà Nội	2.74	Khá	D21CNPM3
18	Ngô Đình	Khánh	Nam	28/03/2003	Nghệ An	2.74	Khá	D21CNPM3
19	Đỗ Hồng	Phi	Nam	02/04/2003	Bắc Giang	2.58	Khá	D21CNPM3
20	Đỗ Thanh	Trường	Nam	25/10/2003	Hải Dương	2.56	Khá	D21CNPM3
21	Nguyễn Huy	Tú	Nam	13/02/2003	Bắc Ninh	3.24	Giỏi	D21CNPM3
22	Đặng Minh	Anh	Nam	01/02/2003	Thanh Hóa	2.56	Khá	D21CNPM4
23	Nguyễn Thái	Bình	Nữ	11/12/2003	Ninh Bình	2.69	Khá	D21CNPM4
24	Nguyễn Minh	Đức	Nam	14/06/2003	Hà Nội	2.59	Khá	D21CNPM4
25	Lê Đình	Hào	Nam	29/10/2003	Hà Nội	2.64	Khá	D21CNPM4
26	Nguyễn Tiến	Hiệp	Nam	10/02/2003	Thanh Hóa	2.94	Khá	D21CNPM4
27	Hồ Trọng Nhật	Minh	Nam	12/10/2003	Nghệ An	2.79	Khá	D21CNPM4
28	Nguyễn Đình	Nam	Nam	03/03/2003	Quảng Ninh	2.84	Khá	D21CNPM4
29	Vũ Tuấn	Nam	Nam	15/09/2003	Nam Định	2.43	Trung bình	D21CNPM4
30	Vũ Hoàng	Phi	Nam	04/03/2003	Hà Tây	2.61	Khá	D21CNPM4
31	Nguyễn Hữu	Thắng	Nam	10/07/2003	Hà Nội	2.66	Khá	D21CNPM4

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
32	Nguyễn Thanh	Hải	Nam	03/11/2003	Hà Nội	3.22	Giỏi	D21CNPM5
33	Nguyễn Đình	Hậu	Nam	04/03/2003	Hà Tĩnh	2.91	Khá	D21CNPM5
34	Phạm Mạnh	Hùng	Nam	06/03/2003	Thanh Hóa	2.98	Khá	D21CNPM5
35	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	02/10/2003	Hà Tây	3.37	Giỏi	D21CNPM5
36	Chu Đức	Nam	Nam	30/07/2003	Hà Tây	2.61	Khá	D21CNPM5
37	Lại Nguyên	Nam	Nam	27/02/2003	Thanh Hóa	2.98	Khá	D21CNPM5
38	Nguyễn Thị Thu	Ngân	Nữ	16/09/2003	Nghệ An	3.27	Giỏi	D21CNPM5
39	Phùng Văn	Thịnh	Nam	18/05/2003	Hà Tây	2.90	Khá	D21CNPM5
40	Phạm Văn	Lâm	Nam	03/04/2003	Nghệ An	2.86	Khá	D21CNPM6
41	Phạm Thị Ngọc	Mai	Nữ	10/02/2003	Hải Phòng	3.22	Giỏi	D21CNPM6
42	Nguyễn Minh	Quân	Nam	21/08/2003	Hưng Yên	3.35	Giỏi	D21CNPM6
43	Trương Văn	Tân	Nam	15/07/2003	Nam Định	2.64	Khá	D21CNPM6
44	Hà Trần Thế	Anh	Nam	15/12/2003	Tuyên Quang	2.52	Khá	D21HTTT1
45	Phạm Hữu Quốc	Anh	Nam	29/06/2000	Nam Định	2.31	Trung bình	D21HTTT1
46	Lê Trí	Đức	Nam	01/10/2003	Thanh Hóa	2.52	Khá	D21HTTT1
47	Nguyễn Đức	Hiếu	Nam	11/01/2003	Bắc Giang	2.45	Trung bình	D21HTTT1
48	Hà Văn	Hoàng	Nam	20/09/2003	Bắc Giang	2.18	Trung bình	D21HTTT1
49	Dương Quang	Huy	Nam	10/02/2003	Thanh Hóa	2.66	Khá	D21HTTT1
50	Đoàn Việt	Tú	Nam	09/12/2002	Hà Nội	2.13	Trung bình	D21HTTT1
51	Trần Quang	Vinh	Nam	12/06/2003	Phú Thọ	2.58	Khá	D21HTTT1
52	Cam Hải	Đăng	Nam	25/11/2003	Hà Nội	3.23	Giỏi	D21HTTT2
53	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	28/11/2002	Thái Bình	2.81	Khá	D21HTTT2
54	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	29/08/2003	Thái Bình	2.51	Khá	D21HTTT2
55	Nguyễn Duy Thành	Long	Nam	08/03/2002	Vĩnh Phúc	2.30	Trung bình	D21HTTT2
56	Giang Minh	Phú	Nam	07/11/2003	Sơn La	2.52	Khá	D21HTTT2
57	Ngô Quang	Phúc	Nam	06/05/2003	Hải Phòng	2.40	Trung bình	D21HTTT2
58	Trần Thế	Tòa	Nam	08/04/2003	Hà Nội	2.68	Khá	D21HTTT2
59	Nguyễn Bá	Anh	Nam	31/05/2003	Bắc Ninh	2.45	Trung bình	D21HTTT3
60	Nguyễn Đình	Ban	Nam	19/07/2003	Hà Nội	2.51	Khá	D21HTTT3
61	Lê Văn	Cương	Nam	20/09/2003	Bắc Giang	2.52	Khá	D21HTTT3
62	Trịnh Lê	Đức	Nam	06/12/2002	Ukraina	2.57	Khá	D21HTTT3
63	Nguyễn Trường	Giang	Nam	29/11/2003	Phú Thọ	2.54	Khá	D21HTTT3
64	Lê Đức	Hiếu	Nam	06/01/2003	Quảng Ninh	2.53	Khá	D21HTTT3
65	Hoàng Quốc	Hòa	Nam	22/12/2003	Thanh Hóa	2.00	Trung bình	D21HTTT3
66	Nguyễn Sinh	Hùng	Nam	08/09/2003	Vĩnh Phúc	2.23	Trung bình	D21HTTT3
67	Phạm Gia	Hưng	Nam	12/05/2003	Hà Nội	2.50	Khá	D21HTTT3
68	Đào Danh	Kiên	Nam	31/10/2003	Hà Tây	2.67	Khá	D21HTTT3
69	Vi Mạnh	Quân	Nam	14/01/2003	Nghệ An	2.30	Trung bình	D21HTTT3

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
70	Đặng Ngọc	Anh	Nam	30/10/2003	Hà Nội	2.49	Trung bình	D21HTTT4
71	Bùi Mạnh	Cường	Nam	25/10/2003	Nam Định	2.65	Khá	D21HTTT4
72	Lương Tiến	Dũng	Nam	01/01/2003	Nam Định	2.57	Khá	D21HTTT4
73	Lê Hải	Đặng	Nam	26/06/2003	Quảng Bình	2.67	Khá	D21HTTT4
74	Lê Minh	Phụng	Nam	28/08/2003	Hà Nam	2.52	Khá	D21HTTT4
75	Trần Kiên	Quyết	Nam	05/06/2003	Thái Nguyên	2.49	Trung bình	D21HTTT4
76	Đỗ Thị	Quỳnh	Nữ	26/03/2003	Hải Dương	2.64	Khá	D21HTTT4
77	Hà Quang	Trung	Nam	17/02/2003	Thanh Hóa	2.58	Khá	D21HTTT4
78	Lâm Ngọc	Trường	Nam	15/11/2003	Nam Định	2.63	Khá	D21HTTT4
79	Nguyễn Trọng	Vũ	Nam	02/04/2003	Thanh Hóa	2.50	Khá	D21HTTT4
80	Vũ Thị Mai	Anh	Nữ	16/04/2003	Nam Định	2.67	Khá	D21HTTT5
81	Đỗ Minh	Khôi	Nam	20/07/2003	Hà Nội	2.76	Khá	D21HTTT5
82	Vũ Hữu Hoài	Linh	Nam	22/06/2003	Hải Dương	2.51	Khá	D21HTTT5
83	Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	10/05/2003	Hà Nội	2.80	Khá	D21HTTT5
84	Nguyễn Tùng	Dương	Nam	28/03/2003	Hà Tây	3.09	Khá	D21HTTT6
85	Trần Trung	Hiếu	Nam	02/03/2003	Thái Bình	2.52	Khá	D21HTTT6
86	Bùi Huy	Hoàng	Nam	12/03/2003	Nam Định	2.51	Khá	D21HTTT6
87	Vũ Quốc	Huy	Nam	30/11/2003	Nam Định	2.57	Khá	D21HTTT6

Danh sách gồm 87 sinh viên.

Trong đó:

- **Xuất sắc:** 0 sinh viên

- **Giỏi:** 11 sinh viên

- **Khá:** 63 sinh viên

- **Trung bình:** 13 sinh viên

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 3468/QĐ-HV ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**

Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**

Ngành đào tạo: **Kỹ thuật Điện tử viễn thông**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Đặng Xuân	Tùng	Nam	22/12/1999	Hà Nội	2.22	Trung bình	D17CQVT01-B
2	Nguyễn Tiến	Giáp	Nam	15/12/1999	Hòa Bình	2.10	Trung bình	D17CQVT03-B
3	Trần Quang	Chiến	Nam	08/11/1999	Hà Tĩnh	2.15	Trung bình	D17CQVT04-B
4	Phùng Quốc	Duy	Nam	06/11/1999	Phú Thọ	2.26	Trung bình	D17CQVT04-B
5	Lê Thị	Hằng	Nữ	10/04/1999	Hà Nội	2.86	Khá	D17CQVT06-B
6	Nguyễn Văn	Đô	Nam	21/07/1999	Bắc Ninh	2.46	Trung bình	D17CQVT07-B
7	Đinh Thị Tuyết	Nhi	Nữ	16/07/1998	Hà Tây	2.76	Khá	D17CQVT07-B
8	Vũ Việt	Hoàng	Nam	14/02/1999	Nam Định	2.18	Trung bình	D17CQVT08-B
9	Đỗ Thị Phương	Anh	Nữ	15/12/2000	Hà Tây	2.86	Khá	D18CQVT01-B
10	Hoàng Văn	Chung	Nam	05/10/2000	Bắc Giang	2.39	Trung bình	D18CQVT02-B
11	Nguyễn Văn	Bằng	Nam	07/03/2000	Nam Định	2.74	Khá	D18CQVT03-B
12	Vũ Quang	Chung	Nam	01/11/2000	Phú Thọ	2.10	Trung bình	D18CQVT04-B
13	Cao Văn	Phong	Nam	28/03/2000	Thanh Hoá	2.19	Trung bình	D18CQVT04-B
14	Nguyễn Hoàng	Duy	Nam	13/03/2001	Nam Định	2.29	Trung bình	D19VTHI1
15	Nguyễn Văn	Hiệp	Nam	07/01/2001	Hà Tây	2.25	Trung bình	D19VTMD1
16	Nguyễn Thành	An	Nam	02/02/2001	Hà Tây	2.04	Trung bình	D19VTVT1
17	Lê Đức	Thiện	Nam	24/10/2001	Thái Bình	2.13	Trung bình	D19VTVT2
18	Đoàn Văn	Hảo	Nam	04/01/2002	Thái Bình	2.41	Trung bình	D20VTHI1
19	Nguyễn Viết	Khánh	Nam	02/09/2002	Bắc Ninh	2.51	Khá	D20VTHI1
20	Hoàng Duy	Phúc	Nam	03/12/2002	Nam Định	2.19	Trung bình	D20VTHI1
21	Nguyễn Thế	Tiến	Nam	01/06/2002	Thái Nguyên	2.38	Trung bình	D20VTHI1
22	Lê Trí	Đức	Nam	22/05/2002	Thanh Hoá	2.45	Trung bình	D20VTHI2
23	Nguyễn Văn	Linh	Nam	13/01/2002	Hải Dương	2.24	Trung bình	D20VTHI2
24	Hà Viết Mạnh	Quốc	Nam	12/09/2002	Bắc Giang	2.50	Khá	D20VTHI2
25	Nguyễn Tiến	Sỹ	Nam	20/04/2002	Bắc Ninh	2.21	Trung bình	D20VTHI2
26	Nguyễn Vương	Anh	Nam	27/06/2002	Hà Nội	2.30	Trung bình	D20VTHI3
27	Phạm Ngọc	Đông	Nam	08/05/2002	Nam Định	2.51	Khá	D20VTHI3
28	Nguyễn Minh	Đức	Nam	08/08/2002	Hà Nam	2.43	Trung bình	D20VTHI3
29	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	29/11/2002	Bắc Giang	2.67	Khá	D20VTMD1
30	Vũ Hải	Đăng	Nam	30/07/2002	Hà Nam	2.26	Trung bình	D20VTMD2
31	Lê Xuân	Đức	Nam	15/08/2002	Hà Nam	2.46	Trung bình	D20VTMD2

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
32	Đỗ Hồng	Hà	Nam	05/04/2002	Hải Dương	2.51	Khá	D20VTMD2
33	Bùi Công	Đạt	Nam	12/12/2002	Bắc Ninh	2.56	Khá	D20VTMD3
34	Lưu Quang	Dũng	Nam	18/11/2002	Hà Tây	2.20	Trung bình	D20VTVT1
35	Đoàn Hải	Dương	Nam	25/09/2002	Hà Nam	2.53	Khá	D20VTVT1
36	Nghiêm Đình	Thắng	Nam	07/05/2002	Bắc Ninh	2.13	Trung bình	D20VTVT1
37	Nguyễn Đức	Trọng	Nam	25/11/2002	Nam Định	2.15	Trung bình	D20VTVT1
38	Nguyễn Quý	Tuấn	Nam	13/03/2002	Hà Tây	2.04	Trung bình	D20VTVT1
39	Vũ Danh	Năng	Nam	12/10/2002	Hà Tây	2.09	Trung bình	D20VTVT2
40	Đinh Hữu	Phước	Nam	31/08/2001	Nam Định	2.11	Trung bình	D20VTVT2
41	Nguyễn Văn	Trường	Nam	22/11/2002	Vĩnh Phúc	2.10	Trung bình	D20VTVT2

Danh sách gồm 41 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 0 sinh viên
- Khá: 11 sinh viên
- Trung bình: 30 sinh viên

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
(Kèm theo Quyết định số: **468/QĐ-HV** ngày **24** tháng **9** năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**
Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**
Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**
Ngành đào tạo: **Kỹ thuật Điện tử viễn thông**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Văn Minh	Hiếu	Nam	05/01/2003	Nghệ An	2.63	Khá	D21VTHI01
2	Nguyễn Minh	Hùng	Nam	18/04/2003	Thái Bình	2.53	Khá	D21VTHI01
3	Đỗ Phúc Thế	Quyên	Nam	03/02/2003	Quảng Ninh	2.53	Khá	D21VTHI01
4	Vũ Đức	Thắng	Nam	18/07/2003	Hải Dương	2.79	Khá	D21VTHI01
5	Nguyễn Tiến	Thiệu	Nam	04/08/2003	Hà Tây	2.45	Trung bình	D21VTHI01
6	Đỗ Ngọc	Trung	Nam	09/05/2003	Thanh Hóa	2.37	Trung bình	D21VTHI01
7	Nguyễn Mạnh	Dũng	Nam	22/07/2003	Thanh Hóa	2.26	Trung bình	D21VTHI02
8	Lương Ngọc	Duy	Nam	27/08/2003	TP. Hồ Chí Minh	2.63	Khá	D21VTHI02
9	Nguyễn Công	Hoàn	Nam	12/02/2003	Hà Nội	2.64	Khá	D21VTHI02
10	Nguyễn Đức	Hoàng	Nam	15/12/2003	Nam Định	2.50	Khá	D21VTHI02
11	Hoàng Anh	Hùng	Nam	14/03/2003	TP. Hồ Chí Minh	2.50	Khá	D21VTHI02
12	Phí Đặng Hà	Linh	Nữ	23/02/2003	Ninh Bình	2.46	Trung bình	D21VTHI02
13	Trần Hiền	Lương	Nam	24/01/2003	Hà Nội	2.56	Khá	D21VTHI02
14	Bùi Đình	Trượng	Nam	24/04/2003	Thái Bình	2.56	Khá	D21VTHI02
15	Hà Văn	Cường	Nam	28/07/2003	Bắc Giang	2.50	Khá	D21VTMD01
16	Nguyễn Trí	Dũng	Nam	24/01/2003	Hà Nội	2.50	Khá	D21VTMD01
17	Trần Duy	Hiệp	Nam	21/04/2003	Nam Định	2.62	Khá	D21VTMD01
18	Trần Huy	Hoàng	Nam	25/01/2003	Thái Bình	2.63	Khá	D21VTMD01
19	Dương Trung	Kiên	Nam	27/01/2003	Hà Nội	2.56	Khá	D21VTMD01
20	Phạm Sỹ	Quý	Nam	14/02/2003	Hà Nam	2.80	Khá	D21VTMD01
21	Nguyễn Thị Thu	Quyên	Nữ	27/09/2003	Hà Nội	3.08	Khá	D21VTMD01
22	Nguyễn Đức	Văn	Nam	13/12/2003	Bắc Ninh	2.45	Trung bình	D21VTMD01
23	Nguyễn Thế	Vĩnh	Nam	17/03/2003	Bắc Ninh	2.86	Khá	D21VTMD01
24	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	24/10/2003	Nam Định	2.06	Trung bình	D21VTMD02
25	Phạm Việt	Anh	Nam	24/07/2003	Thái Bình	2.51	Khá	D21VTMD02
26	Phạm Hồng	Ân	Nam	15/11/2003	Nam Định	2.53	Khá	D21VTMD02
27	Nguyễn Minh	Chiến	Nam	12/12/2003	Vĩnh Phúc	2.65	Khá	D21VTMD02
28	Phạm Mạnh	Cường	Nam	22/04/2003	Thái Bình	2.52	Khá	D21VTMD02
29	Đỗ Đức	Đạt	Nam	30/08/2003	Thái Bình	2.54	Khá	D21VTMD02
30	Lê Thành	Đạt	Nam	15/10/2003	Hà Tây	2.97	Khá	D21VTMD02

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
31	Lê Văn	Giáo	Nam	29/05/2003	Nghệ An	2.81	Khá	D21VTMD02
32	Nguyễn Hữu Hồng	Khải	Nam	11/08/2003	Hà Tây	2.72	Khá	D21VTMD02
33	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	10/12/2003	Hải Dương	2.54	Khá	D21VTMD02
34	Khuất Tiến	Nam	Nam	05/07/2003	Hà Nội	2.51	Khá	D21VTMD02
35	Ngô Trung	Nghĩa	Nam	23/07/2003	Bắc Ninh	2.53	Khá	D21VTMD02
36	Bùi Xuân	Son	Nam	07/02/2003	Nam Định	2.52	Khá	D21VTMD02
37	Nguyễn Nam	Trường	Nam	28/02/2003	Bắc Giang	2.58	Khá	D21VTMD02
38	Dương Văn Minh	Duy	Nam	01/09/2003	Thanh Hóa	2.56	Khá	D21VTMD03
39	Nguyễn Đức	Đồng	Nam	05/10/2003	Vĩnh Phúc	2.51	Khá	D21VTMD03
40	Lương Khánh	Luân	Nam	20/12/2003	Thái Nguyên	2.59	Khá	D21VTMD03
41	Nguyễn Văn	Nghĩa	Nam	06/10/2003	Hà Tây	2.54	Khá	D21VTMD03
42	Lê Đăng Quý	Nhật	Nam	19/10/2003	Bắc Ninh	2.61	Khá	D21VTMD03
43	Nguyễn Công Nhất	Phong	Nam	02/10/2003	Thái Nguyên	2.44	Trung bình	D21VTMD03
44	Lã Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	28/08/2003	Thái Nguyên	2.71	Khá	D21VTMD03
45	Phạm Văn	Son	Nam	01/12/2003	Hà Nam	2.67	Khá	D21VTMD03
46	Bùi Phương	Thanh	Nữ	27/01/2003	Hà Nội	2.88	Khá	D21VTMD03
47	Phạm Quang	Toàn	Nam	23/10/2003	Nam Định	2.51	Khá	D21VTMD03
48	Nguyễn Đức	Trung	Nam	27/03/2003	Thái Bình	2.30	Trung bình	D21VTMD03
49	Nguyễn Thị Diệp	Anh	Nữ	26/04/2003	Hà Tây	2.78	Khá	D21VTMD04
50	Vũ Thị Vân	Anh	Nữ	04/02/2003	Hà Tây	2.56	Khá	D21VTMD04
51	Vũ Đình	Du	Nam	11/11/2003	Thái Bình	2.50	Khá	D21VTMD04
52	Trịnh Bá	Hiển	Nam	30/09/2003	Nam Định	2.16	Trung bình	D21VTMD04
53	Trần Thu	Hoài	Nữ	23/09/2003	Nam Định	2.30	Trung bình	D21VTMD04
54	Nguyễn Việt	Hoàng	Nam	01/07/2003	Hà Nội	2.40	Trung bình	D21VTMD04
55	Đỗ Tuấn	Minh	Nam	03/04/2003	Hưng Yên	2.38	Trung bình	D21VTMD04
56	Nguyễn Tuấn	Minh	Nam	07/11/2003	Hà Tây	2.27	Trung bình	D21VTMD04
57	Bùi Văn	Nghĩa	Nam	12/10/2003	Vĩnh Phúc	2.62	Khá	D21VTMD04
58	La Thị Hồng	Như	Nữ	22/03/2003	Cao Bằng	2.75	Khá	D21VTMD04
59	Vũ Mạnh	Rinh	Nam	31/01/2003	Thái Bình	2.56	Khá	D21VTMD04
60	Nguyễn Hữu	Tài	Nam	25/08/2002	Hà Tĩnh	2.76	Khá	D21VTMD04
61	Nguyễn Ngọc	Thắng	Nam	18/09/2003	Hà Tây	2.67	Khá	D21VTMD04
62	Phạm Kiên	Trung	Nam	23/02/2003	Hà Nội	2.76	Khá	D21VTMD04
63	Hoàng Anh	Tú	Nam	04/09/2003	Nam Định	2.50	Khá	D21VTMD04
64	Vũ Quang	Lương	Nam	01/06/2002	Thái Bình	3.02	Khá	D21VTVT
65	Phạm Đức	Minh	Nam	15/09/2003	Hà Nội	2.56	Khá	D21VTVT
66	Đỗ Đăng	Nam	Nam	02/09/2003	Bắc Giang	2.14	Trung bình	D21VTVT
67	La Minh	Quân	Nam	24/11/2003	Thanh Hóa	2.07	Trung bình	D21VTVT
68	Nguyễn Minh	Quân	Nam	24/01/2003	Hà Tây	2.24	Trung bình	D21VTVT

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	----------	-----	----------	---------

Danh sách gồm 68 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 0 sinh viên
- Khá: 52 sinh viên
- Trung bình: 16 sinh viên

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
PGS.TS Trần Quang Anh

VÀ
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
(Kèm theo Quyết định số: 368/QĐ-HV ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**
 Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**
 Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**
 Ngành đào tạo: **Marketing**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCT	Xếp loại	Ghi chú
1	Trần Vũ Hà	Anh	Nữ	17/09/2003	Hưng Yên	2.59	Khá	D21IMR1
2	Nguyễn Lê Thùy	Chi	Nữ	29/01/2003	Hà Nội	2.35	Trung bình	D21IMR1
3	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	26/09/2003	Hà Tây	3.23	Giỏi	D21IMR1
4	Nguyễn Thị Khánh	Hòa	Nữ	06/06/2003	Hà Tây	2.85	Khá	D21IMR1
5	Nguyễn Thành	Kính	Nam	07/10/2003	Nghệ An	2.61	Khá	D21IMR1
6	Hồ Thị	Nguyệt	Nữ	29/12/2003	Nghệ An	2.81	Khá	D21IMR1
7	Lê Gia	Tú	Nam	11/06/2003	Thanh Hóa	2.23	Trung bình	D21IMR1
8	Lương Minh	Trang	Nữ	30/12/2002	Thanh Hóa	2.58	Khá	D21IMR2
9	Bùi Đức	Hưng	Nam	01/02/2003	Hà Nội	2.56	Khá	D21IMR3
10	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	14/11/2003	Nam Định	3.04	Khá	D21IMR3
11	Phạm Nguyệt	Hà	Nữ	18/09/2003	Yên Bái	3.30	Giỏi	D21PMR1
12	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	19/08/2003	Thanh Hóa	2.81	Khá	D21PMR1
13	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	18/03/2004	Thanh Hóa	2.65	Khá	D22IMR01
14	Đỗ Tùng	Dương	Nam	26/07/2004	Hà Nội	2.65	Khá	D22IMR01
15	Trần Gia	Hiếu	Nam	04/08/2004	Hoà Bình	2.93	Khá	D22IMR01
16	Nguyễn Văn	Mạnh	Nam	05/02/2004	Hà Tây	2.93	Khá	D22IMR01
17	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	24/06/2004	Hà Nội	3.08	Khá	D22IMR01
18	Chu Trang Yến	Nhi	Nữ	14/05/2004	Nghệ An	3.21	Giỏi	D22IMR01
19	Phạm Hà	Phương	Nữ	07/08/2004	Thái Nguyên	3.01	Khá	D22IMR01
20	Đào Thị Mai	Thanh	Nữ	21/02/2002	Hà Nội	2.59	Khá	D22IMR01
21	Nguyễn Thị Phương	Thùy	Nữ	08/06/2004	Bắc Ninh	3.24	Giỏi	D22IMR01
22	Vũ Thị Thu	Trang	Nữ	17/03/2003	Thái Bình	3.23	Giỏi	D22IMR01
23	Nguyễn Anh	Tú	Nam	10/02/2004	Nghệ An	2.83	Khá	D22IMR01
24	Đặng Ngọc	Vĩnh	Nam	28/09/2004	Bắc Giang	2.66	Khá	D22IMR01
25	Đặng Đức	Anh	Nam	16/01/2004	Hà Tây	2.93	Khá	D22IMR02
26	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	27/04/2004	Quảng Ninh	3.22	Giỏi	D22IMR02
27	Trình Thị Mai	Linh	Nữ	14/06/2004	Nghệ An	3.25	Giỏi	D22IMR02
28	Lê Thu	Ngân	Nữ	23/07/2004	Bắc Ninh	2.66	Khá	D22IMR02
29	Hoàng Thị Bích	Ngọc	Nữ	29/12/2004	Bắc Giang	3.07	Khá	D22IMR02
30	Phạm Thị Thùy	Trang	Nữ	23/01/2004	Hải Phòng	2.79	Khá	D22IMR02
31	Trần Thùy	Trang	Nữ	10/09/2004	Nghệ An	2.52	Khá	D22IMR02

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
32	Nguyễn Quý	Trường	Nam	02/11/2004	Hà Tây	2.75	Khá	D22IMR02
33	Hà Thị	Xoan	Nữ	22/06/2004	Thái Bình	3.21	Giỏi	D22IMR02
34	Phạm Ngọc	Bích	Nữ	25/09/2004	Nam Định	3.16	Khá	D22PMR01
35	Nguyễn Văn	Duy	Nam	03/04/2004	Bắc Ninh	2.77	Khá	D22PMR01
36	Đỗ Thị	Duyên	Nữ	15/10/2004	Thái Bình	3.11	Khá	D22PMR01
37	Lương Hữu	Đức	Nam	18/06/2004	Phú Thọ	2.93	Khá	D22PMR01
38	Đào Hương	Giang	Nữ	04/10/2004	Hà Tây	3.25	Giỏi	D22PMR01
39	Trương Thanh	Hà	Nữ	15/02/2004	Thanh Hóa	3.06	Khá	D22PMR01
40	Ngô Đức	Mìn	Nam	07/04/2004	Bắc Giang	3.21	Giỏi	D22PMR01
41	Nguyễn Minh	Ngọc	Nữ	28/03/2004	Vĩnh Phúc	3.00	Khá	D22PMR01
42	Lê Minh	Quân	Nam	24/12/2004	Hà Nội	3.12	Khá	D22PMR01
43	Đinh Phương	Thảo	Nữ	23/02/2004	Hà Nội	3.16	Khá	D22PMR01
44	Vũ Phương	Thúy	Nữ	05/12/2004	Hải Dương	3.26	Giỏi	D22PMR01
45	Trịnh Việt	Tùng	Nam	02/10/2004	Hải Phòng	3.06	Khá	D22PMR01
46	Lê Tuấn	Anh	Nam	21/10/2004	Thanh Hóa	2.76	Khá	D22PMR02
47	Tướng Văn	Chinh	Nam	15/02/2004	Tuyên Quang	2.61	Khá	D22PMR02
48	Mùng Văn	Hạnh	Nam	03/08/2004	Bắc Kạn	2.81	Khá	D22PMR02
49	Đỗ Thị Ngọc	Hoa	Nữ	11/11/2003	Thái Bình	3.26	Giỏi	D22PMR02
50	Ngô Ngọc	Hưng	Nam	28/08/2004	Nam Định	2.56	Khá	D22PMR02
51	Nguyễn Như Bảo	Ngọc	Nữ	24/06/2004	Bắc Ninh	3.22	Giỏi	D22PMR02
52	Hoàng Hữu	Tùng	Nam	26/01/2004	Bắc Giang	2.65	Khá	D22PMR02
53	Nguyễn Thị Xuân	Vui	Nữ	14/06/2003	Phú Thọ	3.08	Khá	D22PMR02
54	Trần Thị	Yến	Nữ	14/05/2004	Hà Nam	3.36	Giỏi	D22PMR02

Danh sách gồm 54 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 14 sinh viên
- Khá: 38 sinh viên
- Trung bình: 2 sinh viên

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
(Kèm theo Quyết định số: 316 8/QĐ-HV ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**
 Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**
 Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**
 Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Mai Tiến	Huỳnh	Nam	03/01/2003	Phú Thọ	2.70	Khá	D21QTDN1
2	Phí Thị Thùy	Dương	Nữ	01/10/2003	Hà Nội	2.55	Khá	D21QTDN2
3	Tạ Thị Thu	Hiền	Nữ	25/08/2003	Hà Tây	2.56	Khá	D21QTDN2
4	Đinh Hồng	Khánh	Nam	09/11/2003	Phú Thọ	2.46	Trung bình	D21QTDN2
5	Trương Phương	Thảo	Nữ	11/07/2003	Hà Nội	2.57	Khá	D21QTDN2
6	Đỗ Minh	Tú	Nam	08/08/2003	Hà Nội	2.55	Khá	D21QTDN2
7	Nguyễn Thị Hải	Anh	Nữ	17/10/2003	Hà Nội	2.56	Khá	D21QTLG
8	Đinh Xuân	Lộc	Nam	24/04/2003	Nam Định	2.30	Trung bình	D21QTLG
9	Nguyễn Đăng	Chương	Nam	19/10/2004	Hà Nam	2.80	Khá	D22QTDN01
10	Nguyễn Quang Bảo	Duy	Nam	04/08/2003	Nghệ An	3.05	Khá	D22QTDN01
11	Hoàng Thị	Duyên	Nữ	27/03/2004	Hải Phòng	3.05	Khá	D22QTDN01
12	Phạm Sơn	Hà	Nam	23/01/2004	Lào Cai	2.77	Khá	D22QTDN01
13	Bùi Thị Thanh	Hằng	Nữ	17/08/2004	Hải Phòng	3.10	Khá	D22QTDN01
14	Bùi Ngọc	Linh	Nữ	08/06/2004	Hà Tây	3.22	Giỏi	D22QTDN01
15	Trịnh Thị Thảo	Linh	Nữ	19/04/2004	Bắc Giang	2.55	Khá	D22QTDN01
16	Vũ Khắc	Nam	Nam	12/03/2004	Nam Định	2.67	Khá	D22QTDN01
17	Sái Thị Nguyệt	Ánh	Nữ	08/09/2004	Phú Thọ	2.98	Khá	D22QTDN02
18	Nguyễn Quang	Duy	Nam	23/09/2004	Tuyên Quang	2.48	Trung bình	D22QTDN02
19	Đặng Thị	Hường	Nữ	01/03/2003	Hà Nội	3.13	Khá	D22QTDN02
20	Mẫn Đức	Kết	Nam	08/05/2004	Bắc Ninh	2.74	Khá	D22QTDN02
21	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	30/07/2004	Thanh Hóa	2.76	Khá	D22QTDN02
22	Nguyễn Thị Xuân	Mai	Nữ	07/02/2004	Hưng Yên	3.03	Khá	D22QTDN02
23	Lê Thị Yến	Nhi	Nữ	29/12/2004	Thanh Hóa	3.21	Giỏi	D22QTDN02
24	Nguyễn Thiên	Phúc	Nam	24/02/2004	Vĩnh Phúc	2.47	Trung bình	D22QTDN02
25	Nguyễn Quang	Thành	Nam	28/11/2004	Hà Tây	3.33	Giỏi	D22QTDN02
26	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	08/03/2004	Bắc Ninh	3.18	Khá	D22QTDN02
27	Lê Ngọc	Tuân	Nam	15/10/2004	Nam Định	2.96	Khá	D22QTDN02
28	Phan Minh	Đông	Nữ	07/11/2004	Hà Nội	3.13	Khá	D22QTLG
29	Đỗ Minh	Đức	Nam	11/03/2003	Thái Bình	2.84	Khá	D22QTLG
30	Lê Anh	Quyết	Nam	27/02/2004	Thanh Hóa	2.90	Khá	D22QTLG
31	Nguyễn Thuận	Thiên	Nam	08/02/2004	Bình Định	2.55	Khá	D22QTLG

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
32	Mai Phúc	Thiện	Nam	26/09/2004	Hoà Bình	2.88	Khá	D22QTLG
33	Đỗ Nguyễn Minh	Thư	Nữ	29/12/2004	Bắc Giang	3.05	Khá	D22QTLG
34	Hà Như	Ý	Nữ	17/04/2004	Hà Nội	3.25	Giỏi	D22QTLG

Danh sách gồm 34 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 4 sinh viên
- Khá: 26 sinh viên
- Trung bình: 4 sinh viên

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN
CÔNG NGHỆ
BƯU CHÍNH
VIỄN THÔNG

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
(Kèm theo Quyết định số: 468 /QĐ-HV ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**
Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**
Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**
Ngành đào tạo: **An toàn thông tin**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Kiều Tiến	Hải	Nam	13/02/2001	Hà Tây	2.59	Khá	D19CQAT03-B
2	Bùi Đức	Hiệp	Nam	18/06/2001	Phú Thọ	2.33	Trung bình	D19CQAT03-B
3	Trần Ngọc	Huy	Nam	14/04/2001	Hà Nam	2.40	Trung bình	D19CQAT04-B
4	Thái Minh	Tuấn	Nam	13/05/2001	Bắc Ninh	2.43	Trung bình	D19CQAT04-B
5	Vũ Ngọc	Khánh	Nam	02/09/2002	Thái Bình	3.09	Khá	D20CQAT01-B
6	Lương Thế	Vinh	Nam	05/11/2002	Thái Bình	3.04	Khá	D20CQAT01-B
7	Ngô Văn	Đức	Nam	17/11/2000	Hà Nội	2.43	Trung bình	D20CQAT02-B
8	Vũ Nhật Minh	Đức	Nam	16/02/2002	Hà Nội	2.32	Trung bình	D20CQAT02-B
9	Nguyễn Minh	Hiền	Nam	23/08/2002	Nam Định	2.38	Trung bình	D20CQAT02-B
10	Bùi Minh	Hoàng	Nam	27/02/2001	Quảng Ninh	2.53	Khá	D20CQAT02-B
11	Nguyễn Mạnh	Hung	Nam	28/07/2002	Vĩnh Phúc	2.53	Khá	D20CQAT02-B
12	Hoàng Trung	Kiên	Nam	07/08/2002	Nam Định	2.45	Trung bình	D20CQAT02-B
13	Nguyễn Trần	Minh	Nam	13/03/2002	Hải Phòng	2.55	Khá	D20CQAT02-B
14	Trần Như	Thắng	Nam	03/05/2001	Hà Nội	2.63	Khá	D20CQAT02-B
15	Bùi Hải	Đăng	Nam	17/10/2002	Hà Nam	2.55	Khá	D20CQAT04-B

Danh sách gồm 15 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 0 sinh viên
- Khá: 8 sinh viên
- Trung bình: 7 sinh viên

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
(Kèm theo Quyết định số: 3168 /QĐ-HV ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**
 Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**
 Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**
 Ngành đào tạo: **An toàn thông tin**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Hoàng Việt	Anh	Nam	15/11/2003	Nam Định	2.38	Trung bình	D21CQAT01-B
2	Nguyễn Đức	Anh	Nam	02/09/2003	Thanh Hóa	2.56	Khá	D21CQAT01-B
3	Vương Đức	Anh	Nam	21/10/2003	Hà Nội	2.07	Trung bình	D21CQAT01-B
4	Hà Huy	Đạt	Nam	20/09/2003	Bắc Giang	2.27	Trung bình	D21CQAT01-B
5	Hoàng Đình	Phú	Nam	27/12/2003	Bắc Kạn	2.41	Trung bình	D21CQAT01-B
6	Nguyễn Văn	Quân	Nam	25/01/2003	Hà Nội	2.55	Khá	D21CQAT01-B
7	Lý Đức	Anh	Nam	17/02/2003	Hà Nội	3.00	Khá	D21CQAT02-B
8	Hoàng Thu	Cúc	Nữ	03/10/2003	Hà Nội	3.31	Giỏi	D21CQAT02-B
9	Nguyễn Minh	Hiệu	Nam	26/11/2003	Nam Định	2.46	Trung bình	D21CQAT02-B
10	Triệu Trung	Kiên	Nam	29/09/2002	Cao Bằng	2.50	Khá	D21CQAT02-B
11	Nguyễn Đức	Lương	Nam	19/01/2003	Vĩnh Phúc	2.62	Khá	D21CQAT02-B
12	Nguyễn Tiến	Thành	Nam	23/05/2003	Bắc Ninh	2.33	Trung bình	D21CQAT02-B
13	Bùi Thanh	Tùng	Nam	13/12/2003	Hoà Bình	2.17	Trung bình	D21CQAT02-B
14	Đặng Minh	Hiếu	Nam	10/12/2003	Hà Nội	2.35	Trung bình	D21CQAT03-B
15	Lại Thế	Hòa	Nam	13/03/2003	Nam Định	2.35	Trung bình	D21CQAT03-B
16	Phạm Tiến	Thành	Nam	21/07/2003	Thái Bình	2.53	Khá	D21CQAT03-B
17	Lê Mạnh	Dũng	Nam	15/10/2003	Nghệ An	2.30	Trung bình	D21CQAT04-B
18	Phạm Văn	Đạt	Nam	08/06/2003	Bắc Ninh	2.69	Khá	D21CQAT04-B
19	Lại Duy	Hải	Nam	26/07/2003	Hải Dương	2.59	Khá	D21CQAT04-B
20	Lê Trần	Hiếu	Nam	20/09/2003	Thanh Hóa	2.51	Khá	D21CQAT04-B
21	Trần Đức	Khải	Nam	26/04/2003	Hà Nội	2.86	Khá	D21CQAT04-B
22	Nguyễn Nhật	Minh	Nam	31/05/2003	Thái Bình	3.21	Giỏi	D21CQAT04-B
23	Nguyễn Thành	Nam	Nam	19/09/2003	Thái Nguyên	2.57	Khá	D21CQAT04-B
24	Nguyễn Quang	Trường	Nam	29/07/2003	Phú Thọ	2.80	Khá	D21CQAT04-B

Danh sách gồm 24 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 2 sinh viên
- Khá: 12 sinh viên
- Trung bình: 10 sinh viên



PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 348/QĐ-HV ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**

Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**

Ngành đào tạo: **Công nghệ Đa phương tiện**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCT	Xếp loại	Ghi chú
1	Trần Xuân	Bách	Nam	20/10/2003	Hà Nội	2.81	Khá	D21PTDPT
2	Hoàng Hữu Tiến	Dũng	Nam	23/04/2003	Nghệ An	2.58	Khá	D21PTDPT
3	Phạm Quang	Hiếu	Nam	16/03/2003	Hải Dương	2.26	Trung bình	D21PTDPT
4	Phạm Văn	Hiếu	Nam	06/03/2003	Hưng Yên	2.57	Khá	D21PTDPT
5	Đỗ Huy	Hoàng	Nam	12/02/2003	Vĩnh Phúc	2.54	Khá	D21PTDPT
6	Bùi Quốc	Huy	Nam	26/05/2003	Hà Nội	2.60	Khá	D21PTDPT
7	Trần Quang	Thắng	Nam	10/02/2003	Nam Định	2.91	Khá	D21PTDPT
8	Nguyễn Thái	Bảo	Nam	23/10/2003	Ninh Bình	3.07	Khá	D21TKDPT1
9	Nguyễn Văn	Nam	Nam	16/05/2003	Hưng Yên	2.92	Khá	D21TKDPT1
10	Nguyễn Hoàng	Quang	Nam	07/06/2003	Tuyên Quang	2.66	Khá	D21TKDPT1
11	Lê Thanh	Thảo	Nữ	15/05/2003	Hà Nội	3.34	Khá	D21TKDPT1
12	Nguyễn Giang	Nam	Nam	20/05/2003	Hà Nội	2.95	Khá	D21TKDPT2
13	Đào Xuân	Phú	Nam	10/03/2003	Thái Bình	2.90	Khá	D21TKDPT2
14	Trần Thúy	Quỳnh	Nữ	08/12/2003	Hải Phòng	3.15	Khá	D21TKDPT2
15	Lê Huy	Du	Nam	15/01/2003	Vĩnh Phúc	3.01	Khá	D21TKDPT3

Danh sách gồm 15 sinh viên.

Trong đó:

- **Xuất sắc:** 0 sinh viên

- **Giỏi:** 0 sinh viên

- **Khá:** 14 sinh viên

- **Trung bình:** 1 sinh viên



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
(Kèm theo Quyết định số: **468** /QĐ-HV ngày **24** tháng **9** năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**
Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**
Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**
Ngành đào tạo: **Công nghệ đa phương tiện**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	15/12/1999	Bắc Ninh	2.68	Khá	D17PTDPT1
2	Nguyễn Việt	Anh	Nam	04/09/1999	Hà Tây	2.81	Khá	D17TKDPT1
3	Vũ Thị	Linh	Nữ	27/09/1999	Thanh Hoá	2.75	Khá	D17TKDPT1
4	Nguyễn Vũ Tiến	Hoàng	Nam	09/08/1999	Sơn La	2.72	Khá	D17TKDPT2
5	Nguyễn Khắc	Thảo	Nam	09/05/1999	Hà Tây	2.69	Khá	D17TKDPT2
6	Hoàng Kim	Cường	Nam	25/11/2000	Nghệ An	2.60	Khá	D18TKDPT2
7	Nguyễn Trọng	Thọ	Nam	21/04/2000	Bắc Giang	2.24	Trung bình	D18TKDPT2
8	Lê Thị	Hiền	Nữ	24/08/2000	Hà Tây	2.59	Khá	D18TKDPT3
9	Nguyễn Anh	Kiên	Nam	09/03/1998	Hà Tây	2.88	Khá	D18TKDPT3

Danh sách gồm 9 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 0 sinh viên
- Khá: 8 sinh viên
- Trung bình: 1 sinh viên

KT GIÁM ĐỐC
HỌ PHÓ GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
(Kèm theo Quyết định số: 4168 /QĐ-HV ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**

Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**

Ngành đào tạo: **Công nghệ Đa phương tiện**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Phạm Gia	Minh	Nam	16/09/2001	Thanh Hoá	2.65	Khá	D19TKDPT1
2	Bùi Tuấn	Thanh	Nam	18/06/2001	Thái Bình	2.61	Khá	D19TKDPT1
3	Đoàn Quốc	Đại	Nam	27/07/2001	Hải Dương	2.61	Khá	D19TKDPT2
4	Hoàng Văn	Thiện	Nam	31/03/2001	Bắc Giang	2.95	Khá	D19TKDPT2
5	Dương Ngọc	Đức	Nam	09/11/2001	Hà Tây	2.56	Khá	D19TKDPT3
6	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	13/05/2002	Hà Tây	2.60	Khá	D20PTDPT
7	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	14/09/2002	Hà Nội	2.53	Khá	D20PTDPT
8	Phạm Lương Trường	Giang	Nam	14/10/2002	Nam Định	2.65	Khá	D20PTDPT
9	Dư Hùng	Minh	Nam	24/03/2002	Phú Thọ	2.80	Khá	D20PTDPT
10	Nguyễn An	Phát	Nam	27/05/2002	Bắc Ninh	2.64	Khá	D20PTDPT
11	Nguyễn Ngọc	Toàn	Nam	12/08/2002	Thanh Hoá	2.79	Khá	D20PTDPT
12	Lê Văn	Tùng	Nam	15/07/2002	Hà Tây	2.66	Khá	D20PTDPT
13	Mai Viết	Đồng	Nam	09/08/2002	Thanh Hoá	2.92	Khá	D20TKDPT1
14	Đặng Thùy	Giang	Nữ	07/04/2002	Hưng Yên	3.04	Khá	D20TKDPT1
15	Bùi Minh	Chiến	Nam	03/11/2002	Nam Định	2.84	Khá	D20TKDPT2
16	Dương Thế	Bảo	Nam	09/08/2002	CHLB Nga	2.91	Khá	D20TKDPT3

Danh sách gồm 16 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên

- Giỏi: 0 sinh viên

- Khá: 16 sinh viên

- Trung bình: 0 sinh viên



PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 3468/QĐ-HV ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**
Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**
Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**
Ngành đào tạo: **Công nghệ Kỹ thuật điện - điện tử**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCT	Xếp loại	Ghi chú
1	Nguyễn Nhật	Minh	Nam	24/03/1999	Hà Tây	2.17	Trung bình	D17DTMT1
2	Nguyễn Văn	Tráng	Nam	19/09/1999	Bắc Ninh	2.09	Trung bình	D17DTMT1
3	Nguyễn Văn	Vinh	Nam	24/12/1999	Hà Tây	2.22	Trung bình	D17XLTH1

Danh sách gồm 3 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 0 sinh viên
- Khá: 0 sinh viên
- Trung bình: 3 sinh viên

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 368 /QĐ-HV ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**

Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**

Ngành đào tạo: **Công nghệ thông tin (CLC)**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Trần Quang	Bách	Nam	08/12/2000	Thái Bình	2.18	Trung bình	E18CQCN01-B
2	Cái Xuân	Trung	Nam	11/04/2000	Hà Nam	2.48	Trung bình	E18CQCN01-B

Danh sách gồm 2 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên

- Giỏi: 0 sinh viên

- Khá: 0 sinh viên

- Trung bình: 2 sinh viên

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 3168 /QĐ-HV ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: Chính quy

Hệ đào tạo: Đại học chính quy

Đơn vị đào tạo: Cơ sở đào tạo Hà Nội

Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin (CLC)

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Phạm Trường	Giang	Nam	10/06/2002	Thái Bình	2.57	Khá	E20CQCN01-B
2	Nguyễn Minh	Khôi	Nam	22/04/2002	Hà Nội	2.81	Khá	E20CQCN01-B

Danh sách gồm 2 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 0 sinh viên
- Khá: 2 sinh viên
- Trung bình: 0 sinh viên



PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
(Kèm theo Quyết định số: **468/QĐ-HV** ngày **24** tháng **9** năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**
Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**
Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**
Ngành đào tạo: **Công nghệ thông tin (CLC)**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCT	Xếp loại	Ghi chú
1	Ngô Đức	Duy	Nam	11/06/2003	Hà Nội	2.61	Khá	E21CNPM1
2	Trần Đình	Nghĩa	Nam	17/01/2003	Hà Nội	2.52	Khá	E21CNPM1
3	Nguyễn Mạnh	Tài	Nam	30/08/2003	Hà Nội	2.78	Khá	E21CNPM1
4	Trần Quốc	Huy	Nam	18/07/2003	Hà Tây	2.48	Trung bình	E21CNPM2
5	Phạm Việt	Hưng	Nam	28/03/2003	Tuyên Quang	2.76	Khá	E21CNPM2
6	Nguyễn Đình	Minh	Nam	23/12/2003	Hà Nội	3.06	Khá	E21CNPM2
7	Trần Đức	Nguyên	Nam	21/03/2003	Hà Tây	2.65	Khá	E21CNPM2
8	Nguyễn Văn	Trung	Nam	21/07/2003	Hà Nội	2.69	Khá	E21CNPM2
9	Chu Quang	Vinh	Nam	19/03/2003	Hà Nội	2.66	Khá	E21CNPM2
10	Phạm Nguyễn Duy	Anh	Nam	01/12/2003	Hoà Bình	2.64	Khá	E21CNPM3
11	Trần Danh	Dũng	Nam	20/03/2003	Bắc Ninh	2.58	Khá	E21CNPM3
12	Nguyễn Tự	Hào	Nam	03/09/2003	Hà Nội	3.03	Khá	E21CNPM3
13	Lê Minh	Khương	Nam	05/12/2003	Hà Nội	3.02	Khá	E21CNPM3
14	Dương Đình	Nguyên	Nam	07/11/2003	Hà Nội	2.60	Khá	E21CNPM3
15	Nguyễn Đức	Tài	Nam	01/10/2003	Hải Dương	2.55	Khá	E21CNPM3
16	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	08/08/2003	Thanh Hóa	2.53	Khá	E21CNPM3
17	Dương Kim	Tùng	Nam	23/10/2003	Quảng Ninh	2.62	Khá	E21CNPM3
18	Nguyễn Hữu	Khánh	Nam	18/03/2003	Nghệ An	2.56	Khá	E21CNPM4
19	Sỹ Đức	Nguyên	Nam	07/12/2003	Hà Nội	2.64	Khá	E21CNPM4
20	Đoàn Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	18/11/2003	Hà Tây	2.97	Khá	E21CNPM4
21	Nguyễn Đăng	An	Nam	26/12/2003	Hà Tây	3.51	Giỏi	E21TTNT
22	Bùi Đức	Nghĩa	Nam	25/03/2003	Hà Nội	3.18	Khá	E21TTNT
23	Nguyễn Đức	Tuấn	Nam	26/08/2003	Hà Nội	3.21	Giỏi	E21TTNT

Danh sách gồm 23 sinh viên.

- Trong đó:
- Xuất sắc: 0 sinh viên
 - Giỏi: 2 sinh viên
 - Khá: 20 sinh viên
 - Trung bình: 1 sinh viên

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ
BƯU CHÍNH
VIỄN THÔNG

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
(Kèm theo Quyết định số: 3468/QĐ-HV ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**
Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**
Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**
Ngành đào tạo: **Báo chí**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Trần Thành	Đạt	Nam	22/02/2004	Nam Định	3.36	Giỏi	D22CQBC01-B
2	Nguyễn Linh	Giang	Nữ	15/10/2001	Phú Thọ	3.30	Giỏi	D22CQBC01-B
3	Lê Thị Minh	Hương	Nữ	03/02/2004	Hà Nội	3.06	Khá	D22CQBC01-B
4	Lưu Thị Thùy	Linh	Nữ	07/12/2004	Thanh Hóa	3.22	Giỏi	D22CQBC01-B
5	Phan Ngọc	Minh	Nữ	13/09/2004	Hà Nội	3.35	Giỏi	D22CQBC01-B
6	Tăng Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	10/04/2003	Nam Định	3.51	Giỏi	D22CQBC01-B
7	Thiều Huyền	Thương	Nữ	12/03/2004	Hà Nội	3.26	Giỏi	D22CQBC01-B

Danh sách gồm 7 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 6 sinh viên
- Khá: 1 sinh viên
- Trung bình: 0 sinh viên



PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 3168 /QĐ-HV ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**
Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**
Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**
Ngành đào tạo: **Công nghệ tài chính (Fintech)**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Nguyễn Viết	Dũng	Nam	17/09/2004	Nghệ An	2.90	Khá	D22CQTC01-B
2	Hoàng Thái	Đạt	Nam	07/02/2004	Thái Nguyên	3.16	Khá	D22CQTC01-B
3	Lê Thị Nguyệt	Hà	Nữ	31/03/2004	Ninh Bình	3.23	Giỏi	D22CQTC01-B
4	Phan Công	Hiếu	Nam	11/01/2004	Hà Nội	3.26	Giỏi	D22CQTC01-B
5	Vũ Mạnh	Hoạch	Nam	21/01/2003	Hà Nam	2.73	Khá	D22CQTC01-B
6	Lương Thiên	Phúc	Nam	02/04/2004	Hà Nội	3.20	Giỏi	D22CQTC01-B
7	Nguyễn Văn	Toàn	Nam	02/08/2004	Hải Dương	2.80	Khá	D22CQTC01-B
8	Nguyễn Anh	Việt	Nam	07/11/2004	Hải Phòng	2.55	Khá	D22CQTC01-B
9	Nguyễn Anh	Vũ	Nam	06/10/2004	Bắc Ninh	3.21	Giỏi	D22CQTC01-B
10	Bùi Ngọc Bảo	Anh	Nữ	01/05/2004	Nam Định	3.19	Khá	D22CQTC02-B
11	Trần Đức	Anh	Nam	11/12/2004	Hà Nội	3.22	Giỏi	D22CQTC02-B
12	Trịnh Minh	Bảo	Nam	17/07/2003	Thanh Hóa	2.62	Khá	D22CQTC02-B
13	Nguyễn Xuân	Bắc	Nam	16/01/2004	Hà Tây	2.70	Khá	D22CQTC02-B
14	Nguyễn Thuý	Dương	Nữ	07/09/2004	Vĩnh Phúc	3.42	Giỏi	D22CQTC02-B
15	Nguyễn Hoàng	Đồng	Nam	14/03/2004	Nam Định	2.97	Khá	D22CQTC02-B
16	Đỗ Hải	Long	Nam	03/03/2004	Hà Nội	3.24	Giỏi	D22CQTC02-B
17	Vũ Thành	Long	Nam	22/02/2004	Thái Bình	3.46	Giỏi	D22CQTC02-B
18	Nguyễn Dực Anh	Minh	Nam	26/02/2004	Hà Nội	2.92	Khá	D22CQTC02-B
19	Bùi Huy	Thành	Nam	15/11/2004	Hải Dương	3.24	Giỏi	D22CQTC02-B
20	Nguyễn Văn	Trường	Nam	23/08/2004	Vĩnh Phúc	2.97	Khá	D22CQTC02-B

Danh sách gồm 20 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 9 sinh viên
- Khá: 11 sinh viên
- Trung bình: 0 sinh viên



PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
(Kèm theo Quyết định số: 3168/QĐ-HV ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**
Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**
Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**
Ngành đào tạo: **Kế toán**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCT	Xếp loại	Ghi chú
1	Đỗ Thị	Hiền	Nữ	18/07/1998	Thanh Hoá	2.82	Khá	D17CQKT03-B

Danh sách gồm 1 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 0 sinh viên
- Khá: 1 sinh viên
- Trung bình: 0 sinh viên



PGS. TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 368/QĐ-HV ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**
Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**
Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**
Ngành đào tạo: **Kế toán**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCT	Xếp loại	Ghi chú
1	Đỗ Thị Thu	Trang	Nữ	18/03/2002	Bắc Giang	2.46	Trung bình	D20ACCA

Danh sách gồm 1 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 0 sinh viên
- Khá: 0 sinh viên
- Trung bình: 1 sinh viên

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
(Kèm theo Quyết định số: 3168/QĐ-HV ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**
Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**
Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**
Ngành đào tạo: **Kế toán**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Lê Anh	Trung	Nam	25/10/2003	Hà Nội	2.97	Khá	D21ACCA
2	Đặng Hồng	Liên	Nữ	27/02/2003	Hà Nội	2.62	Khá	D21CQKT01-B
3	Nguyễn Thanh	Nam	Nam	25/10/2003	Thanh Hóa	2.66	Khá	D21CQKT01-B
4	Trịnh Minh	Quân	Nam	12/06/2003	Hà Nội	2.35	Trung bình	D21CQKT01-B
5	Hoàng Thu	Quỳnh	Nữ	17/10/2003	Yên Bái	2.62	Khá	D21CQKT01-B
6	Nguyễn Thị Y	Nguyên	Nữ	25/02/2002	Bắc Ninh	2.66	Khá	D21CQKT02-B
7	Mai Văn	Trường	Nam	26/02/2003	Hà Nội	2.50	Khá	D21CQKT02-B
8	Vũ Thuý	Anh	Nữ	01/12/2004	Bắc Giang	2.79	Khá	D22ACCA
9	Bùi Hải	Đặng	Nam	08/12/2004	Hà Nội	2.66	Khá	D22ACCA
10	Vũ Quang	Khải	Nam	01/01/2004	Nam Định	3.12	Khá	D22ACCA
11	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	16/08/2004	Hà Nội	3.42	Giỏi	D22ACCA
12	Nguyễn Kiều	Trang	Nữ	11/05/2004	Hà Nội	3.20	Giỏi	D22ACCA
13	Phạm Thị Mai	Anh	Nữ	18/11/2004	Nam Định	2.57	Khá	D22CQKT01-B
14	Hoàng Linh	Dung	Nữ	29/03/2004	Yên Bái	2.39	Trung bình	D22CQKT01-B
15	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	25/06/2004	Thanh Hóa	2.63	Khá	D22CQKT02-B
16	Chu Thị Thu	Hằng	Nữ	26/01/2004	Thanh Hóa	3.35	Giỏi	D22CQKT02-B
17	Vũ Thị	Nga	Nữ	12/06/2004	Thái Nguyên	3.33	Giỏi	D22CQKT02-B
18	Đoàn Minh	Thư	Nữ	16/11/2004	Thanh Hóa	2.50	Khá	D22CQKT02-B
19	Lê Phương	Uyên	Nữ	23/02/2004	Thanh Hóa	2.43	Trung bình	D22CQKT02-B
20	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	29/10/2004	Vĩnh Phúc	2.76	Khá	D22CQKT03-B
21	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	11/11/2004	Thái Bình	2.65	Khá	D22CQKT03-B
22	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	Nữ	04/11/2004	Phú Thọ	2.69	Khá	D22CQKT03-B

Danh sách gồm 22 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 4 sinh viên
- Khá: 15 sinh viên
- Trung bình: 3 sinh viên

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
(Kèm theo Quyết định số: 3468/QĐ-HV ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**
Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**
Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**
Ngành đào tạo: **Marketing**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCT	Xếp loại	Ghi chú
1	Trần Trung	Anh	Nữ	08/01/1999	Nam Định	2.53	Khá	D17IMR2
2	Phạm Thị	Hồng	Nữ	28/02/2000	Hung Yên	2.70	Khá	D18IMR1
3	Lâm Đức	Thắng	Nam	02/04/2000	Thái Bình	2.98	Khá	D18IMR2
4	Lê Ngọc	Tuấn	Nam	22/01/2000	Thanh Hoá	2.53	Khá	D18IMR3
5	Đào Thu	Hà	Nữ	01/11/2001	Hoà Bình	2.45	Trung bình	D19IMR1
6	Nguyễn Thảo	Vân	Nữ	11/02/2001	Phú Thọ	2.61	Khá	D19IMR1
7	Nguyễn Diễm	Quỳnh	Nữ	30/09/2001	Nam Định	2.72	Khá	D19IMR2
8	Phạm Đức	Tài	Nam	16/10/2002	Nam Định	2.40	Trung bình	D20IMR1
9	Nguyễn Thế	Phước	Nam	04/04/2002	Thái Bình	2.29	Trung bình	D20IMR2

Danh sách gồm 9 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 0 sinh viên
- Khá: 6 sinh viên
- Trung bình: 3 sinh viên

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 3168/QĐ-HV ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**
Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**
Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**
Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	14/04/2001	Hà Tĩnh	2.69	Khá	D19QTDN
2	Nguyễn Đức	Trung	Nam	24/11/2001	Hải Phòng	2.25	Trung bình	D19TMDT1
3	Nguyễn Hữu	Đạt	Nam	29/07/2001	Hà Nội	2.21	Trung bình	D19TMDT2
4	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	16/09/2002	Ninh Bình	2.50	Khá	D20QTDN
5	Đỗ Năng	Cường	Nam	22/11/2002	Hà Tây	2.30	Trung bình	D20QTDN
6	Lều Minh	Quang	Nam	25/06/2002	Thái Bình	2.26	Trung bình	D20QTLG

Danh sách gồm 6 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 0 sinh viên
- Khá: 2 sinh viên
- Trung bình: 4 sinh viên

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN
CÔNG NGHỆ
BƯU CHÍNH
VIỄN THÔNG
PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 3468/QĐ-HV ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**
Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**
Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**
Ngành đào tạo: **Thương mại điện tử**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCT	Xếp loại	Ghi chú
1	Trần Đăng	Hoàng	Nam	18/08/2000	Hà Nội	3.05	Khá	D18CQTM01-B

Danh sách gồm 1 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 0 sinh viên
- Khá: 1 sinh viên
- Trung bình: 0 sinh viên

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 3168/QĐ-HV ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**
Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**
Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**
Ngành đào tạo: **Thương mại điện tử**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCT	Xếp loại	Ghi chú
1	Nguyễn Anh	Dũng	Nam	25/09/2003	Vĩnh Phúc	2.52	Khá	D21CQTM01-B
2	Lê Kim	Oanh	Nữ	13/12/2003	Thanh Hóa	2.70	Khá	D21CQTM01-B
3	Lê Thị Thu	Phương	Nữ	14/04/2003	Thái Bình	2.75	Khá	D21CQTM01-B
4	Hà Văn	Thư	Nam	17/02/2003	Lạng Sơn	2.61	Khá	D21CQTM02-B
5	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	27/09/2002	Thái Bình	2.82	Khá	D21CQTM02-B
6	Phạm Diệu	Linh	Nữ	07/02/2004	Hà Tây	3.22	Giỏi	D22CQTM01-B
7	Phạm Văn	Quốc	Nam	30/08/2004	Hà Nam	3.33	Giỏi	D22CQTM01-B
8	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	05/08/2004	Nam Định	2.68	Khá	D22CQTM01-B
9	Lê Văn	Tùng	Nam	01/04/2003	Thanh Hóa	2.65	Khá	D22CQTM01-B
10	Phạm Thị	Yến	Nữ	12/02/2004	Hưng Yên	3.20	Giỏi	D22CQTM01-B
11	Ngô Tuấn	Anh	Nam	07/11/2004	Thanh Hóa	3.21	Giỏi	D22CQTM02-B
12	Nguyễn Duy	Hưng	Nam	23/09/2004	Hà Nội	3.47	Giỏi	D22CQTM02-B
13	Hoàng Anh	Tuấn	Nam	26/12/2004	Nam Định	3.01	Khá	D22CQTM02-B

Danh sách gồm 13 sinh viên.

- Trong đó:
- Xuất sắc: 0 sinh viên
 - Giỏi: 5 sinh viên
 - Khá: 8 sinh viên
 - Trung bình: 0 sinh viên

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 348/QĐ-HV ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**

Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**

Ngành đào tạo: **Truyền thông Đa phương tiện**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCT	Xếp loại	Ghi chú
1	Trần Hà	Phương	Nữ	16/01/2003	Hà Nội	3.01	Khá	D21CQTT02-B
2	Vũ Hoàng	Dũng	Nam	25/09/2004	Thái Bình	2.64	Khá	D22CQTT01-B
3	Trần Thị Mai	Hoa	Nữ	21/05/2004	Ninh Bình	3.28	Giỏi	D22CQTT01-B
4	Bùi Nam	Hưng	Nam	06/05/2004	Hải Phòng	2.76	Khá	D22CQTT01-B
5	Đặng Ngọc	Thanh	Nam	15/12/2004	Hà Nội	3.12	Khá	D22CQTT01-B
6	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	19/09/2003	Hà Nội	2.89	Khá	D22CQTT02-B
7	Hoàng Thu	Hà	Nữ	18/06/2004	Phú Thọ	3.27	Giỏi	D22CQTT02-B
8	Lê Thị Phương	Khanh	Nữ	28/09/2004	Hải Dương	3.33	Giỏi	D22CQTT02-B
9	Chu Quang	Long	Nam	22/10/2004	Hà Nội	2.93	Khá	D22CQTT02-B
10	Đinh Thị Cẩm	Tú	Nữ	01/09/2004	Nam Định	3.17	Khá	D22CQTT02-B

Danh sách gồm 10 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên

- Giỏi: 3 sinh viên

- Khá: 7 sinh viên

- Trung bình: 0 sinh viên



PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
(Kèm theo Quyết định số: **3168** /QĐ-HV ngày **24** tháng **9** năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**
Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**
Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**
Ngành đào tạo: **Truyền thông Đa phương tiện**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Nguyễn Văn	Nam	Nam	06/04/2002	Nam Định	2.62	Khá	D20CQTT01-B
2	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	15/01/2002	Vĩnh Phúc	2.78	Khá	D20CQTT01-B
3	Đặng Trần Trung	Anh	Nam	28/02/2002	Hà Nội	3.11	Khá	D20CQTT02-B

Danh sách gồm 3 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 0 sinh viên
- Khá: 3 sinh viên
- Trung bình: 0 sinh viên

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
(Kèm theo Quyết định số: 3163/QĐ-HV ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**
Hệ đào tạo: **Đại học chính quy**
Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**
Ngành đào tạo: **An toàn thông tin**

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCT	Xếp loại	Ghi chú
1	Lê Tiến	Đạt	Nam	04/08/1999	Thanh Hoá	2.64	Khá	D17CQAT02-B
2	Phạm Đăng Thiện	Vượt	Nam	02/07/1999	Hà Nội	2.11	Trung bình	D17CQAT03-B
3	Đinh Viết	Hải	Nam	19/09/1999	Lào Cai	2.90	Khá	D17CQAT04-B
4	Lương Thành	Trung	Nam	25/01/1999	Thái Bình	2.21	Trung bình	D17CQAT04-B
5	Đinh Văn	Luân	Nam	01/02/2000	Hà Tây	2.11	Trung bình	D18CQAT04-B

Danh sách gồm 5 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 0 sinh viên
- Khá: 2 sinh viên
- Trung bình: 3 sinh viên

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS Trần Quang Anh